

BIỂU PHÍ THẺ GHI NỢ SEABANK
(Có hiệu lực kể từ ngày 05/04/2023)

KHOẢN MỤC PHÍ			Loại thẻ	Thẻ ghi nợ nội địa	Thẻ ghi nợ Visa				Thẻ ghi nợ MasterCard	
				S24++	Hạng Chuẩn	Hạng Vàng	Hạng Platinum	BRG Elite	Hạng Chuẩn	Hạng Vàng
I. Phí dịch vụ										
1	Phí phát hành (chỉ áp dụng với thẻ mới mở, không áp dụng với KH trả lương, thẻ phát hành theo gói và thẻ phát hành qua kênh online)	Thẻ chính	55.000đ	55.000đ		Miễn phí	55.000đ	55.000đ		
		Thẻ phụ		55.000đ, từ thẻ phụ thứ 2 trở đi: 110.000đ		Không áp dụng	55.000đ, từ thẻ phụ thứ 2 trở đi: 110.000đ	55.000đ, từ thẻ phụ thứ 2 trở đi: 110.000đ		
2	Phí thường niên/ phí sử dụng thẻ	Thẻ chính	66.000đ	110.000đ	165.000đ	330.000đ	110.000đ	165.000 đ	220.000 đ	
		Thẻ phụ		55.000đ	110.000đ	Không áp dụng	55.000đ	110.000 đ	165.000 đ	
3	Phí thay thế thẻ vật lý	Thẻ chính	55.000đ	110.000đ	110.000đ	165.000đ	110.000đ	110.000đ	110.000đ	
		Thẻ phụ				Không áp dụng	110.000đ	110.000đ	110.000đ	
4	Phí gia hạn thẻ	Tất cả các loại	Miễn phí	Miễn phí				Miễn phí		
5	Phí thay thế thẻ vật lý khẩn cấp	Thẻ chính	88.000đ	165.000đ				165.000đ		
		Thẻ phụ		165.000đ		Không áp dụng	165.000đ	165.000đ		
6	Phí cấp lại mật khẩu (PIN/ EPIN)	Tất cả các loại	22.000đ	22.000đ			22.000 đ	22.000đ		
7	Phí thay thế thẻ và phát hành lại PIN cho khách hàng trong trường hợp thẻ bị nuốt	Tất cả các loại	Không áp dụng	Miễn phí				Miễn phí		
8	Thông báo mất cắp/thất lạc thẻ (trường hợp khách hàng yêu cầu cập nhập lên Tổ chức thẻ)	Tất cả các loại	Miễn phí	110.000đ			110.000 đ	110.000đ		
9	Khiếu nại (Áp dụng nếu khách hàng khiếu nại sai)	Tất cả các loại	22.000 đ	110.000đ			110.000 đ	110.000đ		
10	Phí đóng thẻ trước 12 tháng kể từ thời điểm mở thẻ	Tất cả các loại	Miễn phí	110.000đ			110.000 đ	110.000đ		
11	Phí khóa, mở thẻ	Tất cả các loại	Miễn phí							
12	Phí thay đổi hạn mức giao dịch	Tất cả các loại	Miễn phí							
13	Phí trả thẻ/ PIN giấy tại nhà	Tất cả các loại	38.500 đ/lần chuyển							
14	Phí nhận E-PIN	Tất cả các loại	Miễn phí							
15	Phí xác nhận thông tin thẻ/ tất toán thẻ	Tất cả các loại	Miễn phí							
II. Phí Giao dịch										
1	Phí chuyển đổi ngoại tệ và xử lý giao dịch (Áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ)	Tất cả các loại	3.3%, Tối thiểu 11.000 đ	3.85%, Tối thiểu 11.000 đ						
2	Phí quản lý GD VNĐ tại các ĐVCNT nước ngoài	Tất cả các loại	Miễn phí	1.1% giá trị giao dịch tại các ĐVCNT nước ngoài: Facebook, Google, TikTok, tối thiểu 5.500đ						
III. Giao dịch tại ATM										
1	ATM của SeABank									
	1.1	Rút tiền	Tất cả các loại	1.100đ/ lần						
	1.2	Truy vấn số dư	Tất cả các loại	Miễn phí						
	1.3	Ứng tiền mặt vào tài khoản thanh toán của chính chủ thẻ tại SeABank	Tất cả các loại	Miễn phí						
	1.4	Đổi mật khẩu (PIN)	Tất cả các loại	Miễn phí						
	1.5	In sao kê	Tất cả các loại	330đ	2.200đ					
2	ATM liên minh									
	2.1	Rút tiền	Tất cả các loại	- Nội địa: 3.300đ - Quốc tế: 2.2 % giá trị giao dịch, tối thiểu 44.000đ	- Nội địa: 3.300đ - Quốc tế: 3.3% giá trị giao dịch, tối thiểu 55.000đ	- Nội địa: 3.300đ - Quốc tế: 3.3% giá trị giao dịch, tối thiểu 55.000đ	- Nội địa: 3.300đ - Quốc tế: 3.3% giá trị giao dịch, tối thiểu 55.000đ	- Nội địa: 5.500đ - Quốc tế: 3.3% giá trị giao dịch, tối thiểu 55.000đ		
	2.2	Truy vấn số dư	Tất cả các loại	- Nội địa: 550 đ - Quốc tế: 11.000 đ	5.500đ					
	2.3	Ứng tiền mặt vào tài khoản thanh toán giữa hai tài khoản cùng hệ thống SeABank	Tất cả các loại	- Nội địa: 3.300 đ - Quốc tế: không áp dụng	Không áp dụng					

KHOẢN MỤC PHÍ			Loại thẻ	Thẻ ghi nợ nội địa	Thẻ ghi nợ Visa			Thẻ ghi nợ MasterCard		
				S24++	Hạng Chuẩn	Hạng Vàng	Hạng Platinum	BRG Elite	Hạng Chuẩn	Hạng Vàng
	2.4	Đổi mật khẩu (PIN)	Tất cả các loại	550đ	Không áp dụng					
	2.5	In sao kê	Tất cả các loại	- Nội địa: 880 đ - Quốc tế: 11.000 đ	5.500đ/lần	Không áp dụng	5.500đ/lần	5.500đ/lần		
IV. Giao dịch tại POS (Điểm bán hàng/ Đại lý chấp nhận thẻ)										
1	POS của SeABank									
	1.1	Thanh toán hàng hóa	Tất cả các loại	Miễn phí						
	1.2	Truy vấn số dư	Tất cả các loại	Miễn phí	2.200đ					
	1.3	Đổi PIN	Tất cả các loại	Miễn phí	Miễn phí	Không áp dụng	Miễn phí	Miễn phí		
2	POS liên minh									
	2.1	Thanh toán hàng hóa		Miễn phí						
	2.2	Truy vấn số dư	Tất cả các loại	- Nội địa: 550 đ - Quốc tế: 11.000 đ	Không áp dụng					
	2.3	In sao kê	Tất cả các loại	- Nội địa: Miễn phí - Quốc tế: Không áp dụng						
V. Giao dịch qua Ebank/Ứng dụng hỗ trợ thanh toán										
	1	Thanh toán hóa đơn (Billing, QR,Topup...)	Tất cả các loại	Miễn phí						
	2	Thanh toán QR	Tất cả các loại	Miễn phí						
	3	Thanh toán Dịch vụ hỗ trợ thanh toán trên ứng dụng Samsung Pay	Tất cả các loại	Miễn phí						
VI. Phí Giao dịch rút tiền của thẻ quốc tế do Ngân hàng khác phát hành trên ATM của SeABank										
1	Thẻ VISA/MasterCard phát hành ngoài Việt Nam (bao gồm thẻ phát hành tại Châu Âu)		Tất cả các loại	49.500 đ/giao dịch						
VII. Phí dịch vụ nhận tiền chuyển đến qua hệ thống của Tổ chức thẻ										
1	Phí dịch vụ nhận tiền chuyển đến qua hệ thống của Tổ chức thẻ		Tất cả các loại	Không áp dụng	0.055%/ giá trị giao dịch, tối thiểu 55.000 VND					

Lưu ý:

- Thẻ ghi nợ Visa bao gồm: các loại thẻ ghi nợ quốc tế Visa, thẻ ghi nợ đồng thương hiệu Mobifone - SeABank Visa, thẻ BRG Elite
- Biểu phí trên đã bao gồm VAT, ngoại trừ phí thay đổi hạn mức giao dịch không thu VAT
- Phí thường niên thu tại thời điểm phát hành thẻ, thời hạn phí thường niên được tính từ ngày T năm A đến hết ngày T -1 năm A+1 (A là năm phát hành thẻ). Đối với trường hợp phát hành lại thẻ do bị mất, phí thường niên sẽ được thu vào tháng phát hành lại thẻ mất từ các năm kế tiếp. Miễn phí thường niên năm đầu cho Khách hàng mở thẻ online trên kênh NHĐT (các loại thẻ được mở online theo thông báo của SeABank từng thời kỳ)
- Lưu ý phí thường niên thẻ ghi nợ quốc tế Visa Platinum áp dụng phí thường niên 330.000đ kể từ ngày 10/11/2020 với ưu đãi phí thường niên theo QĐ 15748/2020/QĐ-TGD
- Phí đóng thẻ: Chỉ áp dụng cho các thẻ đóng trước 12 tháng kể từ ngày mở thẻ và yêu cầu xuất phát từ khách hàng
- Các trường hợp không đề cập đến thẻ Phụ thì mức phí được áp dụng như thẻ Chính của biểu phí này.
- Phí phát hành thẻ phụ thứ 2 trở đi: chỉ thu với thẻ phụ từ thứ 2 trở đi của chính loại thẻ đó.
- Phí quản lý giao dịch VND tại các ĐVCNT nước ngoài (áp dụng từ ngày 17/04/2023): thu ngay khi khách hàng phát sinh giao dịch VND tại các đơn vị chấp nhận thẻ nước ngoài bao gồm: Facebook, Google, TikTok. Giao dịch bị thu phí sẽ chứa nhóm ký tự (không phân biệt chữ hoa/ thường) theo quy định của SeABank.
- Trong trường hợp khách hàng phát hành lại thẻ do thẻ bị mất/ hoặc hư hỏng thẻ có cấp lại PIN sẽ được áp dụng đồng thời hai loại phí: Phí gia hạn/ thay thẻ vật lý và Phí cấp lại mật khẩu (PIN/c-PIN)
- Đối với các trường hợp hệ thống thu phí tự động thiếu, nếu được phát hiện, GDV của đơn vị mở thẻ sẽ thực hiện hạch toán thủ công khi hệ thống cho phép